

Số: /QĐ-UBND

An Lão, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 26/3/2023 của Chính Phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP, điều chỉnh trợ cấp hằng tháng theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP và phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại báo cáo số 391/BC-TCKH ngày 26/12/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 cụ thể như sau:

- Thu hồi về ngân sách huyện kinh phí sử dụng không hết, không còn nhiệm vụ chi với số tiền là: 166.719.394 đồng (*một trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm mười chín nghìn, ba trăm chín mươi tư đồng*).

- Bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP với số tiền là: 56.769.416 đồng (*Năm mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm mười sáu đồng*).

Nguồn kinh phí: Nguồn cải cách tiền lương ngân sách thành phố cấp bổ sung.

Có phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

- Giao phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc nhà nước An Lão thực hiện việc thu hồi trong năm ngân sách 2023 theo đúng quy định.

- Các đơn vị được bổ sung kinh phí thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm về đối tượng được hưởng, mức chi trả, thời gian được hưởng, số kinh phí được hưởng, số kinh phí thực hiện chi trả và toàn bộ về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ chi tiêu và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành; Hiệu trưởng các trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Thị Thanh Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO

TỔNG HỢP THỪA/ THIẾU KINH PHÍ TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ THEO ND 14/2023/ND-CP NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12/2023 của Ủy an nhân dân huyện An Lão)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Trường	Kinh phí đã cấp	Nhu cầu thực tế	Kinh phí thừa - thu hồi lại ngân sách	Kinh phí cấp bổ sung	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	15.398.760.740	15.288.810.807	166.719.394	56.769.416	
I	Kinh phí thừa - thu hồi lại ngân sách	10.805.216.740	10.638.497.391	166.719.394	-	
1	Huyện ủy	451.209.000	447.473.600	3.735.400		
2	Phòng Kinh tế hạ tầng	68.716.000	68.253.600	462.400		
3	Phòng Y tế	30.260.000	29.018.000	1.242.000		
4	Văn phòng HĐND và UBND	215.097.300	211.953.000	3.144.300		
5	Hội Phụ nữ	40.587.100	40.578.300	8.800		
6	Trung tâm dạy nghề và GDTX	209.586.000	209.434.500	151.500		

7	Mầm non Bát Trang	423.050.000	418.317.200,00	4.732.800		
8	Mầm non Mỹ Đức	520.630.000	514.433.140	6.196.860		
9	Mầm non An Thọ	294 493 000	292 702 100	1.790.900		
10	Mầm non Trường Sơn	310.820.000	307.870.100	2.949.900		
11	Mầm non Thái Sơn	421.240.000	420.256.813	983.232		
12	Mầm non An Thắng	336.860.000	330.124.300	6.735.700		
13	Mầm non Tân Viên	387.413.000	386.177.300	1.235.700		
14	Mầm non An Tiến	305.400.000	301.749.051	3.650.949		
15	Tiểu học Bát Trang	448.140.000	443.158.500	4.981.500		
16	Tiểu học An Thắng	404.030.000	395.876.200	8.153.800		
17	Tiểu học Trường Thọ	558.040.000	550.142.000	7.898.000		
18	Tiểu học Thị Trấn An Lão	407.421.000	405.415.400	2.005.600		
19	Tiểu học Mỹ Đức 1	370.200.000	329.712.300	40.487.700		
20	Tiểu học Mỹ Đức 2	290.787.000	290.760.000	27.000		
21	Tiểu học Quang Hưng	287.710.000	261.527.900	26.182.100		

22	Tiểu học Quang Trung	386.651.500	378.556.500	8.095.000		
23	Tiểu học Tân Dân	405.200.000	400.448.000	4.752.000		
24	Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	467.641.800	464.426.900	3.214.900		
25	Tiểu học Trần Tất Văn	685.999.000	685.486.747	512.253		
26	Tiểu học An Tiến	466.140.000	463.208.005	2.931.995		
27	THCS An Tiến	343.450.000	341.590.000	1.860.000		
28	THCS Quang Hưng	335.520.000	320.326.900	15.193.100		
29	THCS Trường Sơn	431.325.040	430.140.035	1.185.005		
30	TH và THCS Trường Thành (TH)	267.500.000	267.496.000	4.000		
31	TH và THCS Trường Thành (THCS)	234.100.000	231.885.000	2.215.000		
II	Kinh phí cấp bổ sung	4.593.544.000	4.650.313.416	-	56.769.416	
1	Trung tâm chính trị	39.570.000	39.624.800		54.800	
2	Mầm non Trường Thành	323.440.000	333.646.000		10.206.000	
3	Mầm non Quang Trung	406.683.000	418.012.900		11.329.900	
4	Tiểu học Tân viên	451.460.000	457.397.750		5.937.750	

5	THCS Mỹ Đức	504.900.000	508.073.900		3.173.900	
6	THCS Lương Khánh Thiện	470.730.000	471.240.000		510.000	
7	THCS Quốc Tuấn	460.160.000	460.220.000		60.000	
8	THCS Tân Thắng	665.201.000	671.724.000		6.523.000	
9	THCS Bát Trang	375.860.000	382.079.600		6.219.600	
10	TH và THCS Chiến Thắng (TH)	295.800.000	302.665.815		6.865.815	
11	TH và Chiến Thắng (THCS)	319.470.000	325.272.851		5.802.851	
12	TH và THCS Lê Khắc Cần (TH)	280.270.000	280.355.800		85.800	